|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT THANH HÓA**TRƯỜNG THPT CẨM THỦY 1**--------------------ĐỀ THI THÁNG 11 | **ĐỀ THI KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH****NĂM HỌC 2024 - 2025MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12***Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)**(Đề thi có 06 trang)* |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh:....... | **Mã đề 111** |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Nhận định nào sau đây không đúng với ảnh hưởng của vị trí địa lý nước ta đến tự nhiên nước ta ?

**A.** Quy định tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên Việt Nam.

**B.** Thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mậu dịch nội chí tuyến.

**C.** Tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật ở nước ta rất đa dạng.

**D.** Nước ta có nhiều thiên tai và chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu.

**Câu 2:** Điều kiện chủ yếu để hình thành đồng bằng châu thổ sông ở nước ta là?

**A.** mạng lưới sông ngòi dày đặc, thềm lục địa nông, khả năng bồi tụ tại cửa sông lớn hơn khả năng xâm thực của sóng biển.

**B.** sông lớn, nhiều phù sa, thềm lục địa rộng và bằng phẳng, nhiều cửa sông, chịu tác động mạnh của sóng biển và thủy triều.

**C.** mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều cửa sông, thềm lục địa bằng phẳng, ít chịu tác động của sóng biển và thủy triều.

**D.** sông lớn, nhiều phù sa, thềm lục địa nông, khả năng bồi tụ tại cửa sông lớn hơn khả năng xâm thực của sóng và thủy triều.

**Câu 3:** Kiểu thời tiết khô – nóng và lạnh khô ở nước ta, do tác động chủ yếu của các khối khí

**A.** khối khí chí tuyến bán cầu bắc, khối khí ôn đới lục địa bán cầu bắc.

**B.** khối khí ôn đới lục địa bán cầu Bắc, khối khí chí tuyến hải dương.

**C.** khối khí ôn đới hải dương bán cầu bắc, khối khí xích đạo bán cầu bắc.

**D.** khối khí chí tuyến bán cầu nam, khối khí xích đạo bán cầu nam.

# **Câu 4:** Ảnh hưởng chủ yếu của hình dạng lãnh thổ đến sông ngòi nước ta?

**A.** Sông nhiều nước, chủ yếu sông ngắn, dốc, đổ ra biển Đông qua nhiều cửa.

**B.** Diện tích lưu vực sông nhỏ, các sông lớn là hạ lưu của sông ngoài lãnh thổ.

**C.** Hầu hết đổ ra Biển Đông, có mạng lưới dày đặc, ngắn dốc, nhiều thác ghềnh.

**D.** Mạng lưới dày đặc, nhiều phù sa, chế độ nước phân hóa theo mùa và lãnh thổ.

**Câu 5:** Nguyên nhân tạo ra loại đất chủ yếu ở đai ôn đới gió mùa trên núi của nước ta?

**A.** có ít loại thảm thực vật, nhiệt độ giảm, lượng nhiệt giảm, feralit diễn ra yếu.

**B.** quá trình feralit chấm dứt, quanh năm thường có mây mù, nhiệt độ rất thấp.

**C.** nhiệt độ giảm, lượng mưa tăng quá trình feralit yếu, tích lũy mùn tăng lên.

**D.** quá trình feralit diễn ra mạnh, lượng mưa lớn, nhiệt độ cao, nhiều thực vật.

**Câu 6:** Tác động của dãy Trường Sơn đến hình thái đồng bằng ven biển miền Trung

**A.** dãy núi Trường Sơn đâm ngang ra biển làm đất đai đồng bằng nghèo dinh dưỡng.

**B.** nhiều nhánh núi Trường Sơn đâm ngang ra biển làm thu hẹp, chia cắt đồng bằng.

**C.** đất trượt, đá lỡ ở dãy Trường Sơn là nguyên nhân chính gây lũ quét ở đồng bằng.

**D.** nhờ sông ngòi mang phù sa bồi đắp nên đồng bằng ven biển miền Trung màu mỡ.

**Câu 7:** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên đặc điểm cơ bản của tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là do

**A.** gió mùa Đông Bắc giảm sút, vị trí địa lí, ngoại lực có tác động mạnh.

**B.** vận động kiến tạo, gió mùa Đông Bắc giảm sút, đặc điểm vị trí địa lí.

**C.** địa hình núi cao, gió mùa Đông Bắc giảm sút, các quá trình ngoại lực.

**D.** vận động kiến tạo, vị trí địa lí, tác động của Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 8:** Hiện nay tài nguyên rừng nước ta bị suy giảm nhanh chóng chủ yếu do

**A.** chiến tranh, khai thác quá mức, biến đổi khí hậu.

**B.** đốt rừng làm nương rẫy, thiên tai, nước biển dâng.

**C.** chất thải công nghiệp, chặt phá rừng, du canh, du cư.

**D.** khai thác quá mức, thiên tai nhiều, biến đổi khí hậu.

**Câu 9:** Nhận định đúng về các loại thiên tai chủ yếu ở nước ta

**A.** Khô hạn kéo dài và tình trạng hạn hán trong mùa khô diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán gây cháy rừng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.khu vực cực Nam trung bộ có thời kì khô hạn dài nhất.

**B.** Lũ quét xảy ra ở những lưu vực sông suối miền núi có địa hình chia cắt mạnh, lũ quét là loại thiên tai thất thường. Lũ quét xảy ra ở Bắc Bộ vào tháng VI-X, ven biển Nam trung bộ tháng X-XII.

**C.** Các loại thiên tai như lốc, mưa đá, sương muối xảy ra thường xuyên ở nước ta, gây thiệt hại lớn cho sản xuất và đời sống. Các thiên tai này xảy ra chủ yếu vào mùa đông ở Miền Bắc nước ta.

**D.** Bão đến sớm từ tháng V và kết thúc muộn vào tháng XII, bão gây ngập mặn vùng ven biển, ngập lụt trên diện rộng. Đồng bằng sông Hồng là vùng ngập lụt nghiêm trọng nhất cả nước.

**Câu 10 :** Mục đích chủ yếu và trực tiếp nhất của việc đẩy mạnh xuất khẩu lao động ở nông thôn nước ta hiện nay

**A.** giảm tỉ lệ thất nghiệp, nâng cao tay nghề và thu nhập cho lao động.

**B.** giảm tỉ lệ thiếu việc làm, nâng cao thu nhập và mức sống cho lao động.

**C.** gải quyết việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành.

**D.** giải quyết việc làm, đào tạo nghề lâu dài và cải thiện cuộc sống nhân dân.

**Câu 11:** Những năm gần đây, quá trình đô thị hóa ở Thanh Hóa diễn ra với mức độ khá cao với những biểu hiện chủ yếu.

**A.** Quy mô đô thị không ngừng mở rộng, số lượng đô thị và tỉ lệ dân đô thị tăng.

**B.** Cơ sở hạ tầng không ngừng được nâng cấp, cơ cấu kinh tế đô thị rất hiện đại.

**C.** Xây dựng được nhiều đô thị mới ở khu vực trọng yếu, thu hút nhiều vốn đầu tư .

**D.** Thành phố Thanh Hóa là đô thị loại 1, thành lập thị xã Sầm Sơn; thị xã Nghi Sơn.

**Câu 12:** Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay

**A.** hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn.

**B.** đẩy mạnh thu hút khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường.

**D.** phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 13:** Việc tăng cường chuyên môn hoá và đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp đều có chung một tác dụng

**A.** khai thác tốt hơn các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

**B.** giảm thiểu rủi ro nếu thị trường nông sản có biến động gây bất lợi.

**C.** sử dụng tốt nguồn lao động, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập.

**D.** đưa nền nông nghiệp từng bước trở thành nền nông nghiệp hàng hoá.

**Câu 14:** Sản xuất thủy sản của nước ta đang hướng đến mục tiêu nào sau đây?

**A.** Phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản kết hợp hiệu quả với khai thác, hỗ trợ ngư dân.

**B.** Hiện đại tàu thuyền và ngư cụ, phát triển công nghiệp chế biến và hướng ra xuất khẩu.

**C.** Bảo vệ nguồn lợi sinh vật biển, môi trường nuôi trồng thủy sản, đảm bảo việc xuất khẩu.

**D.** Phát triển toàn diện nuôi trồng và khai thác, chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá, bền vững.

**Câu 15:** Tác động chủ yếu của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài đến phát triển công nghiệp ở nước ta là

**A.** hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất ven biển, đẩy nhanh công nghiệp hóa.

**B.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp.

**C.** phát triển ngành công nghiệp cơ khí và chế biến lâm sản, xây dựng cơ sở năng lượng.

**D.** nâng cấp cơ sở vật chất, thu hút khách du lịch, giải quyết việc làm cho người lao động.

**Câu 16:** Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

**A.** sử dụng tột nguồn lao động, tạo việc làm. **B.** tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.

**C.** khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản. **D.** tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.

**Câu 17:** Đặc điểm nào sau đây không đúng với khu công nghiệp ở nước ta?

**A.** Chuyên sản xuất công nghiệp. **B.** Có nhiều điểm dân cư sinh sống.

**C.** Có ranh giới địa lí xác định. **D.** Chính phủ quyết định thành lập.

**Câu 18:** Kim ngạch xuất, nhập khẩu cùa nước ta liên tục tăng chù yếu do

**A.** thị trường thế giới ngày càng mờ rộng và hàng hoá đa dạng.

**B.** có nhiều thành phần kinh tế tham gia và sàn xuất phát triển.

**C.** tăng cường nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

**D.** sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.

**Câu 19:** Một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của ngành du lịch của nước ta là

**A**. đầu tư nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch chất lượng hơn.

**B**. cần tập trung phát triển mạnh hơn vào tam giác tăng trưởng du lịch.

**C**. đẩy mạnh giao lưu quốc tế và tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo.

**D**. phát triển du lịch một cách bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường.

**Câu 20:** Hiện nay vùng TD&MN Bắc Bộ có sản phẩm du lịch đặc trưng nào sau đây?

**A.** Du lịch đô thị gắn với tham quan thắng cảnh.

**B.** Nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với di sản thế giới.

**C.** Du lịch núi, biên giới gắn với các cửa khẩu.

**D.** Du lịch sinh thái, văn hoá sông nước miệt vườn.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d)

ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

“ Dải hội tụ nội chí tuyến ( CIT ) là một khu vực thời tiết xấu giữa hai luồng gió của hai bán cầu hội tụ lại gây nên luồng thăng, hoặc giữa hai luồng gió mậu dịch nam và bắc bán cầu. Miền hội tụ rộng từ 80 -600 km. Nếu góc hội tụ giữa hai luồng gió lớn và gió hai bên thổi mạnh thì dải hội tụ sẽ hoạt động mạnh và gây mưa lớn. Dải hội tụ nhiệt đới ở nước ta được hình thành vào mùa hạ, giữa gió mùa mùa hạ và Tín phong bán cầu Bắc”.

*(Nguồn: Tài liệu ôn thi HSG quốc gia môn Địa lí 12)*

**a)** Đầu mùa hạ, Gió Tây Nam từ cao áp Bắc Ấn Độ Dương (TBg ) đến gặp Tín phong bán cầu Bắc tạo nên dải hội tụ nhiệt đới, chạy theo hướng kinh tuyến.

**b)** Gió Tây Nam (TBg) mạnh hơn đẩy Tín phong bán cầu Bắc ra ngoài xa về phía đông, dải hội tụ ít có dịp lấn sâu vào đất liền ở miền Bắc Việt Nam.

**c)** Dải hội tụ nhiệt đới đầu mùa hạ là nguyên nhân gây mưa ở Nam Bộ và mưa tiểu mãn (vào tiết Tiểu mãn cuối tháng 5, đầu tháng 6) ở Trung Bộ nước ta.

**d)** Giữa và cuối mùa hạ, khi gió vịnh Ben-gan mạnh lên, gió mùa Tây Nam từ áp cao bán cầu Nam chiếm ưu thế tuyệt đối gặp Tín phong bán cầu Bắc tạo nên dải hội tụ nhiệt đới rất rõ rệt.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

“ Năm 2021, lực lượng lao động của nước ta là 50,6 triệu người, chiếm 51,2%. Mỗi năm nước ta có thêm khoảng 1 triệu lao động. Sự phát triển của các ngành kinh tế, đa dạng hóa các loại hình sản xuất và sự ra đời của nhiều loại hình dịch vụ mới đã tạo thêm nhiều việc làm mỗi năm. Tuy nhiên tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm là vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế-xã hội. Tỉ lệ thất nghiệp của cả nước là 3,2% trong đó ở thành thị là 4,33%, nông thôn là 2,5%; Tỉ lệ thiếu việc làm của cả nước là 3,1% trong đó ở thành thị là 3,33%, ở nông thôn là 2,96%.” *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)*

**a)** Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm giữa thành thị và nông thôn chênh lệch tương ứng là 1,83 và 0,37%.

**b)** Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn thành thị do cơ cấu kinh tế chưa đa dạng, năng suất lao động thấp.

**c)** Trong cả nước, số lao động thất nghiệp và thiếu việc làm lần lượt trên dưới 1,6 triệu người.

**d)** Ở nông thôn, tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn tỉ lệ thiếu việc làm do đặc điểm của hoạt động sản xuất ở nông thôn.

**Câu 3:** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

 “ Những năm gần đây, với chiến lược tập trung thu hút vốn, đầu tư nguồn vốn lớn cho việc phát triển hạ tầng nền kinh tế, trong đó có hệ thông giao thông vận tải. Mặc dù còn nhiều hạn chế, song ngành giao thông nước ta đã cơ bản đáp ứng được sự phát triển của nền kinh tế. Trong đó, mỗi phân ngành giao thông có vai trò, đặc điểm khác nhau đối với các ngành kinh tế khác và đời sống xã hội…”

**a)** Ngành vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng cao trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá và hành khách của ngành vận tải, tương lai sẽ xây dựng thêm đường sắt cao tốc Bắc – Nam.

**b)** Mạng lưới đường thuỷ nội địa phát triển và phân bố tương đối đồng đều khắp các vùng, khả năng vận chuyển, luân chuyển hàng hóa và hành khách đang được cải thiện.

**c)** Ngành vận tải đường biển đứng đầu các ngành vận tải về khối lượng luân chuyển hàng hoá. Vận tải đường biển gắn liền với hoạt động thương mại, nhất là lĩnh vực ngoại thương.

**d)** Hàng không là ngành có lịch sử non trẻ ở nước ta và có khối lượng luân chuyển hành khách khá lớn. Tốc độ phát triển nhanh nhờ chiến lược phát triển táo bạo, hợp lí.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 “ Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế nước ta có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất, tỉ trọng đóng góp trong cơ cấu GDP tăng lên. Tỉ trọng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản ngày càng giảm. Cơ cấu lao động chuyển dịch phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chất lượng lao động tăng nhanh”.

**a)** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có mối quan hệ mật thiết với sự chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nhanh tỉ trọng kinh tế và lao động khu vực I và III, tăng tỉ trọng kinh tế và lao động khu vực II.

**b)** Tỉ trọng đóng góp của ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP ngày càng tăng, tỉ trọng ngành nông nghiệp giảm.

**c)** Cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

**d)** Giá trị sản xuất và tỉ trọng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản ngày càng giảm.

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

“ Trong những năm qua, hoạt động du lịch của Việt Nam trên đà phát triển. Lượng khách quốc tế đến và khách nội địa và doanh thu du lịch không ngừng tăng. Du lịch Việt Nam ngày càng được biết nhiều hơn so với thế giới, trở thành một nhu cầu trong đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Tài nguyên du lịch phong phú là cơ sở tạo nên các sản phẩm du lịch khác nhau giữa các vùng”.

*(Nguồn Cục du lịch quốc gia Việt Nam onlines)*

**a)** Nhiều loại hình du lịch mới ra đời gắn với tăng trưởng xanh.

**b)** Các loại hình du lịch sinh thái chỉ tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

**c)** Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do tài nguyên du lịch tự nhiên rất đa dạng.

**d)** Xu hướng phát triển du lịch thông minh diễn ra ở nhiều vùng kinh tế của nước ta hiện nay.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

 **Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn**

**2005 - 2022** *(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần kinh tế** | **2005** | **2008** | **2011** | **2022** |
| Nhà nước | 4 976 | 5 059 | 5 250 | 5 186 |
| Ngoài nhà nước | 36 695 | 39 707 | 43 401 | 45 451 |
| Có vốn đầu tư nước ngoài | 1 113 | 1 695 | 1 701 | 2 204 |
| **Tổng số** | **42 784** | **46 461** | **50 352** | **52 841** |

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023)*

**a)** Lao động trong khu vực nhà nước có tốc độ tăng trưởng chậm nhất trong giai đoạn 2005 - 2022, năm 2022 so với năm 2005 tăng 4,2 %.

**b)** Tỷ trọng lao động trong khu vực nhà nước giảm 1,8 %, khu vực ngoài nhà nước giảm 3,7 % từ năm 2005 đến năm 2022.

**c)** Tỷ trọng lao động trong khu vực nhà nước giảm, khu vực ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài tăng, thành phần kinh tế ngoài nhà nước tăng nhanh hơn thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**d)** Lao động có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2005 - 2022, tăng cao hơn thành phần kinh tế nhà nước 93,8 %.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Tại lưng chừng núi sườn đón gió ẩm ở độ cao 500 m có nhiệt độ là 250C, độ cao của đỉnh núi là 2500 m. Vậy nhiệt độ ở chân núi sườn khuất gió là bao nhiêu độ? *(Làm tròn đến hàng đơn vị của độ).*

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Dân số phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021**

 *(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2016** | **2021** |
| Tổng số | 87067,3 | 90191,4 | 93250,7 | 98506,2 |
| Dân số thành thị | 26460,5 | 28865,1 | 31397,0 | 36564,7 |
| Dân số nông thôn | 60606,8 | 61326,3 | 61853,7 | 61941,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

 Hãy cho biết trong thời kì 2010 - 2021 tốc độ tăng trưởng dân số thành thị cao hơn tốc độ tăng trưởng số dân nông thôn của nước ta bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).*

**Câu 3.** Cho bảng: **Diện tích và mật độ dân số vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng**  | **Diện tích** (nghìn ha) | **Dân số trung bình (triệu người)** |
| Đồng bằng sông Hồng  | 2127,86 | 23,73 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)*

Cho biết mật độ dân số vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023 là bao nhiêu người/km2? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 4.** Cho bảng: ***Dân số và sản lượng lúa cả năm của nước ta năm 2023***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Năm 2023** |
| Dân số *(triệu người)* | 100,3 |
| Sản lượng lúa *(nghìn tấn)* | **43497,7** |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)*

Bình quân lương thực theo đầu người củaViệt Nam năm 2023 đạt bao nhiêu tấn/người? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ 2).

**Câu 5.** Cho bảng: ***Diện tích tự nhiên, diện tích rừng các loại ở nước ta năm 2023***

|  |  |
| --- | --- |
| Diện tích tự nhiên (km2) | Diện tích rừng (ha) |
|  | Rừng tự nhiên | Rừng trồng |
| 331212  | 10 129 751 | 4 730 557 |

*(Nguồn: Hiện trạng rừng toàn quốc năm 2023; Niên giám thống kê 2023)*

Độ che phủ rừng của nước ta năm 2023 là bao nhiêu %? (kết quả làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

**Câu** **6.** Năm 2021 tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 336,1 tỉ USD, trong đó Đồng bằng sông Hồng chiếm 35%. Tính giá trị xuất khẩu hàng hóa của Đồng bằng Sông Hồng năm 2021? ( Làm tròn đến hàng đơn vị).

 **…………………HẾT……………….**

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu; Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT THANH HÓA**TRƯỜNG THPT CẨM THỦY 1**--------------------ĐỀ THI THÁNG 11 | **HDC ĐỀ THI KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH****NĂM HỌC 2024 - 2025MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12** |

**Mã đề 111**

**PHẦN I (** Mỗi câu trả lời đúng được 0,4 điểm**)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **B** | 11 | **A** |
| 2 | **D** | 12 | **C** |
| 3 | **A** | 13 | **A** |
| 4 | **B** | 14 | **D** |
| 5 | **B** | 15 | **A** |
| 6 | **B** | 16 | **D** |
| 7 | **B** | 17 | **B** |
| 8 | **D** | 18 | **D** |
| 9 | **D** | 19 | **D** |
| 10 | **D** | 20 | **C** |

PHẦN II:Tối đa mỗi câu là 1,2 điểm

+ Thí sinh lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu được 0,2 điểm.

+ Thí sinh lựa chọn chính xác 2 ý trong 1 câu được 0,4 điểm.

+ Thí sinh lựa chọn chính xác 3 ý trong 1 câu được 0,6 điểm.

+ Thí sinh lựa chọn chính xác 4 ý trong 1 câu được 1,2 điểm.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án( Đ/S)** | **Câu** | **Lệnh hỏi** | **Đáp án( Đ/S)** |
| **1** | a | **Đ** | **4** | a | **S** |
| b | **S** | b | **Đ** |
| c | **Đ** | c | **Đ** |
| d | **S** | d | **S** |
| **2** | a | **Đ** | **5** | a | **Đ** |
| b | **S** | b | **S** |
| c | **Đ** | c | **S** |
| d | **S** | d | **Đ** |
|  | a | **S** |  | a | **Đ** |
| **3** | b | **S** | **6** | b | **S** |
|  | c | **Đ** |  | c | **S** |
|  | d | **Đ** |  | d | **Đ** |

**PHẦN III: (** Mỗi câu trả lời đúng được 0,8 điểm**)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | **38** |
| 2 | **36** |
| 3 | **1115** |
| 4 | **0,43** |
| 5 | **44,9** |
| 6 | **118** |

***------ HẾT ------***